

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

-----

Số: 1479/QĐ-TTg

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH HỆ THỐNG KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA ĐẾN  
NĂM 2020**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 109/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

### **I. QUAN ĐIỂM**

1. Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa phải phù hợp với chiến lược phát triển ngành thủy sản và quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Công tác điều tra, nghiên cứu khoa học về nguồn lợi thủy sản, đa dạng của hệ sinh thái thủy sinh các vùng nước nội địa phải được thực hiện trước một bước, ưu tiên thực hiện tại những vùng nước có giống loài thủy sinh quý hiếm, có giá trị kinh tế, khoa học và có nguy cơ bị tuyệt chủng cao.

3. Bảo tồn vùng nước nội địa phải được coi là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài của toàn xã hội; đồng thời phải có chính sách, biện pháp và coi trọng hợp tác quốc tế nhằm bảo vệ, khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản, phát triển nghề cá bền vững, bảo vệ sự đa dạng hệ sinh thái thủy sinh của các vùng nước nội địa.

### **II. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Từng bước hình thành hệ thống các khu bảo tồn nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các giống loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, bảo vệ các hệ sinh thái thủy sinh tại các vùng nước nội địa; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa ở mức độ cao.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Giai đoạn 2008 - 2010:

- Hoàn thành quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn vùng nước nội địa.
- Thiết lập và đưa vào hoạt động 05 khu bảo tồn đại diện cho lưu vực sông Hồng, sông Cửu Long và Tây Nguyên.

b) Giai đoạn 2011 - 2015:

Thiết lập và đưa vào hoạt động 25 khu bảo tồn vùng nước nội địa, trong đó có 01 khu bảo tồn loài liên quốc gia.

c) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Thiết lập và đưa vào hoạt động 15 khu bảo tồn vùng nước nội địa.
- Hoàn thiện hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa (Phụ lục quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn vùng nước nội địa đính kèm).

### **III. PHẠM VI QUY HOẠCH**

Hệ thống các khu bảo tồn vùng nước nội địa được quy hoạch và xây dựng tại 63 tỉnh thành trong cả nước và được phân ra 7 vùng kinh tế nông nghiệp bao gồm: các tỉnh miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

### **IV. NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**

1. Giai đoạn 2008 - 2010

- Hoàn thành quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn vùng nước nội địa trình cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hoàn thiện quy hoạch chi tiết và xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập 05 khu bảo tồn vùng nước nội địa đại diện ở 3 vùng: Đồng bằng sông Hồng (02 khu bảo tồn, đồng bằng sông Cửu Long (02 khu bảo tồn), Tây Nguyên (01 khu bảo tồn).
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học, hiện trạng hệ sinh thái các thủy vực, các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng tại các khu bảo tồn vùng nước nội địa trong cả nước.

2. Giai đoạn 2011 - 2015

- Hoàn thiện quy hoạch chi tiết và xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập thêm 25 khu bảo tồn vùng nước nội địa.
- Tiếp tục cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu về hiện trạng hệ sinh thái các thủy vực, các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng tại các khu bảo tồn vùng nước nội địa trong cả nước.
- Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn có năng lực quản lý, chuyên môn sâu từ Trung ương đến địa phương; tập huấn cho cán bộ và cộng đồng dân cư tại các địa phương có khu bảo tồn về những kiến thức cơ bản liên quan.

3. Giai đoạn 2016 - 2020

- Tiếp tục quy hoạch chi tiết các thủy vực, các khu bảo tồn còn lại;
- Hoàn thiện quy hoạch chi tiết và xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập thêm 15 khu bảo tồn vùng nước nội địa.
- Hình thành mạng lưới hệ thống các khu bảo tồn vùng nước nội địa tại Việt Nam.

- Giám sát, kiểm soát được các biến động về đa dạng sinh học, hệ sinh thái, các loài thủy sinh quý hiếm tại từng khu bảo tồn; bổ sung, cập nhật tình hình và những biến động của toàn hệ thống khu bảo tồn trên mạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý.

- Thu hút các nguồn lực của cộng đồng dân cư địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia xây dựng và quản lý các khu bảo tồn vùng nước nội địa nhằm quản lý, khai thác sử dụng các khu bảo tồn có hiệu quả, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

## **V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ, khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh các vùng nước nội địa; phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương trong việc tổ chức quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn trên địa bàn.

2. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án điều tra, nghiên cứu khoa học làm cơ sở xác định, đề xuất các khu bảo tồn và biện pháp bảo vệ cụ thể đối với từng khu bảo tồn. Trước mắt tập trung điều tra, nghiên cứu đối với một số thủy vực có nhiều giống loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học, có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng cao.

3. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lợi ích và trách nhiệm của xã hội, đặc biệt là cộng đồng dân cư sống xung quanh khu bảo tồn, đối với việc giữ gìn, bảo vệ các khu bảo tồn, góp phần bảo vệ sự đa dạng của hệ sinh thái thủy sinh và nguồn lợi thủy sản vùng nước nội địa. Tổ chức lựa chọn và xây dựng mô hình quản lý các khu bảo tồn dựa vào cộng đồng ở những nơi có điều kiện thuận lợi. Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn có năng lực quản lý, chuyên môn sâu từ Trung ương đến địa phương; đồng thời tập huấn cho cán bộ và cộng đồng dân cư tại các địa phương có khu bảo tồn về những kiến thức cơ bản liên quan.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn tài trợ, giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật để điều tra, nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ; mở rộng việc trao đổi, hợp tác khoa học với các nước, trước hết là quốc gia láng giềng để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn vùng nước nội địa.

5. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý các khu bảo tồn nội địa: Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn về quy chế quản lý các khu bảo tồn, tiêu chí phân hạng, trình tự, thủ tục thành lập khu bảo tồn nội địa...

### **6. Về nhu cầu vốn đầu tư**

Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho các công việc quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết cho 45 khu bảo tồn vùng nước nội địa, xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ hoạt động của Ban Quản lý chương trình và đối với các khu bảo tồn có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế hoặc nằm trên địa bàn nhiều tỉnh. Huy động sự tham gia và tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư, quản lý và khai thác, sử dụng các khu bảo tồn khác.

Dự kiến tổng kinh phí và phân bổ theo các giai đoạn như sau:

Tổng kinh phí dự kiến khoảng: 85.000 triệu VNĐ, trong đó:

- Giai đoạn 2008 - 2010: 15.000 triệu VNĐ;

- Giai đoạn 2011 - 2015: 50.000 triệu VNĐ;

- Giai đoạn 2016 - 2020: 20.000 triệu VNĐ.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm**

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan để triển khai thực hiện quy hoạch này.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt các khu bảo tồn vùng nước nội địa theo phân cấp tại các vùng địa lý sinh thái trong cả nước.

- Xây dựng và tổ chức quản lý các khu bảo tồn vùng nước nội địa cấp quốc gia được Thủ tướng Chính phủ thành lập.

### **2. Các Bộ, ngành liên quan**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trên cơ sở quy hoạch này có trách nhiệm bố trí, cân đối vốn đầu tư cho các dự án cụ thể để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương liên quan thực hiện tốt quy hoạch.

- Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm tham gia, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và quản lý tốt hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa.

### **3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thành lập và tổ chức quản lý các khu bảo tồn vùng nước nội địa theo phân cấp.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật, lợi ích, trách nhiệm trong việc bảo vệ, tham gia quản lý các khu bảo tồn; đồng thời chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực thi pháp luật trong lĩnh vực này; xây dựng các mô hình quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa dựa vào cộng đồng tại địa phương.

- Bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương và có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, khai thác có hiệu quả các khu bảo tồn tại địa phương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công an, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (4b). A.

**KT.THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Sinh Hùng**

## PHỤ LỤC

**HỆ THỐNG CÁC KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA ĐẾN NĂM 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu bảo tồn	Địa phương	Mục tiêu bảo tồn
<b>KHU BẢO TỒN CẤP QUỐC GIA</b>			
I	Giai đoạn 2008 – 2010		05 khu
1	Khu vực ngã ba sông Đà – Lô – Thao	Phú Thọ - Vĩnh Phúc – Hà Nội	Bảo vệ bãi đẻ của nhiều loại cá di cư như: cá Mù, cá Chiên, cá Rầm xanh.
2	Cửa sông Hồng	Nam Định – Thái Bình	Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, nơi cư trú, sinh sản của nhiều loài thủy sản có giá trị. Ngoài ra, khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch – nghiên cứu – giáo dục.
3	Hồ Lak	Đắk Lắk	Bảo vệ loài cá Sấu xiêm và các loài cá đặc hữu.
4	Sông Hậu	Đồng Tháp – An Giang – Cần Thơ – Vĩnh Long – Sóc Trăng – Trà Vinh	Bảo vệ đường di cư, bãi đẻ trứng của nhiều loài cá có giá trị kinh tế: cá Hồ, cá Sóc, cá Đường bay, cá Ết mọt.
5	Ven biển Cà Mau	Cà Mau	Bảo vệ hệ sinh thái đầm lầy ngập mặn, bãi bồi ven biển. Khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch – nghiên cứu.
II	Giai đoạn 2011 – 2015		10 khu
6	Sông Hồng – Ngòi Thia	Lào Cai – Yên Bái	Bảo vệ đường di cư, bãi đẻ trứng của nhiều loài cá có giá trị kinh tế như: cá Lợ lớn, cá Anh vũ, cá Rầm xanh.
7	Sông Hồng (sau Việt Trì – cửa Sông Hồng)	Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam	Bảo vệ đường di cư, bãi đẻ trứng của nhiều loài cá có giá trị kinh tế như: cá Cháy, cá Mòi cờ.
8	Hệ thống hồ chứa trên sông Đà	Lai Châu – Sơn La – Hòa Bình	Bảo vệ đường di cư, bãi đẻ trứng của nhiều loài cá có giá trị kinh tế như: cá Anh vũ, cá Rầm xanh, cá Lăng, cá Chiên.  Bảo vệ hệ thống hồ chứa trên sông Đà với chức năng điều tiết lũ, biểu cho vùng địa lý Tây Bắc. Ngoài ra khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch – nghiên cứu – giáo dục.
9	Sông Tiền	Đồng Tháp – Tiền Giang – Vĩnh Long – Bến Tre – Trà Vinh	Bảo vệ đường di cư, bãi đẻ trứng của nhiều loài cá có giá trị kinh tế như: cá Hồ, cá Sóc, cá Đường bay, cá Ết mọt.
10	Hồ Tây	Hà Nội	Bảo vệ sinh thái hồ tự nhiên, ngoài ra khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch – nghiên cứu – giáo dục.
11	Cửa Sông Tiền	Mỹ Tho – Bến Tre –	Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, nơi cư trú, sinh sản của nhiều loài thủy sản có giá trị.

		Trà Vinh	giống loài thủy sản có giá trị
12	Cửa Sông Hậu	Trà Vinh – Sóc Trăng	Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, nơi cư trú, giống loài thủy sản có giá trị như: ngao Bến Tre
13	Vùng cửa sông Tiên Yên	Quảng Ninh	Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, nơi cư trú, giống loài thủy sản có giá trị
14	Phá Tam Giang – Đầm Cầu Hai	Thừa Thiên Huế	Bảo vệ hệ sinh thái đầm phá ven biển tiêu biểu (m gần kín, cửa mở rộng, nước lợ nhạt) với quần thể sinh vật đa dạng (động vật – thực vật – nước ngọt – nước lợ).
15	Ven biển Cà Mau	Cà Mau	Bảo vệ hệ sinh thái đầm lầy ngập mặn, bãi bồi và bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch – nghiên cứu
III	Giai đoạn 2016 – 2020		01 km
16	Hồ Ba Bể	Bắc Kạn	Bảo vệ sinh thái hồ tự nhiên trên vùng núi cao, sinh vật phong phú, đa dạng. Ngoài ra khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch – nghiên cứu – giáo dục.
<b>KHU BẢO TỒN CẤP TỈNH</b>			
I	Giai đoạn 2011 – 2015		15 khu
17	Sông Chày – hồ Thác Bà	Yên Bái	Bảo vệ nơi cư trú của nhiều loài cá quý hiếm có giá trị như: cá Lăng, cá Chiên, cá Anh vũ, cá Dầm xanh.
18	Sông Lô – Gâm (sau hồ thủy điện Tuyên Quang)	Tuyên Quang	Bảo vệ bãi đẻ nơi, cư trú của nhiều loài cá quý hiếm như: cá Lăng, cá Chiên, cá Anh vũ, cá Dầm xanh.
19	Hồ Hoàn Kiếm	Hà Nội	Bảo vệ nơi cư trú của loài Rùa/giải hồ Gươm và các sinh vật khác.
20	Đầm Vân Long	Ninh Bình	Bảo vệ bãi đẻ, nơi cư trú của một số loài như: cá Chình hoa.
21	Cửa sông Thái Bình	Hải Phòng – Thái Bình	Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, bãi ngập triều
22	Sông và sông ngầm trong vùng núi cao thuộc vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng	Quảng Bình	Bảo vệ khu hệ thủy sinh vật đặc trưng cho sông ngầm vùng Bắc Trung Bộ. Bảo vệ đường di cư để trứng của cá Chình hoa.
23	Sông Đak Rông – Cửa Việt	Quảng Trị	Bảo vệ khu hệ thủy sinh vật sông Bắc Trung Bộ. Bảo vệ đường di cư để trứng của cá Chình hoa.
24	Sông Vu Gia – Thu Bồn	Quảng Nam	Bảo vệ đường di cư của cá Mòi, cá Chình bông và cá Chình mun còn có ý nghĩa về du lịch – nghiên cứu – giáo dục
25	Đầm Trà Ô	Bình Định	Bảo vệ hệ sinh thái Đầm ven biển. Bảo vệ nơi cư trú của cá Chình mun, Chình bông. Ngoài ra, khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch

			dục.
26	Sông Krông A Na (thuộc hệ thống sông Srêpôk)	Đắk Lắk	Bảo vệ đường di cư của loài cá Sấu xiêm. Ngoài ra, khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch dục.
27	Sông Đồng Nai – hồ Trị An	Đồng Nai	Bảo vệ nơi cư trú của một số loài cá như: cá Mỡ xanh, cá Ngựa xám, cá Hường sông, cá Măng rôi, cá bông.
28	Cửa sông Đồng Nai	Bà Rịa – Vũng Tàu	Bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, nơi phân bố nguồn loài thủy sinh vật quý hiếm, có giá trị kinh tế. Bảo vệ loài cá Sấu hoa cà. Ngoài ra khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch dục.
29	Sông Sài Gòn – hồ Dầu Tiếng	Tây Ninh	Bảo vệ nơi cư trú của nhiều loài thủy sinh vật quý hiếm, có giá trị kinh tế.
30	Sông Ông Đốc – đầm Thị Tường	Cà Mau	Bảo vệ hệ sinh thái sông vùng Tây Nam Bộ, đầm lầy cửa sông của nhiều loài thủy sản có giá trị kinh tế.
31	U Minh Thượng	Kiên Giang	Bảo vệ hệ sinh thái đầm lầy trên than bùn nội địa vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bảo vệ một số loài như: cá Lóc bông, Rái cá, cá Chạch, cá Trôi, cá Chép, cá Chanh, cá Chanh, cá Chanh, cá Chanh. Ngoài ra khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch dục.
II	Giai đoạn 2016 – 2020		14 khu
32	Sông Bằng	Cao Bằng	Bảo vệ nơi cư trú của cá Trầm hương, Anh vũ và nhiều loài cá quý hiếm như Trai cóc bàn chân, Trai cóc vuông.
33	Sông Kỳ Cùng	Lạng Sơn	Bảo vệ nơi cư trú của nhiều loài cá quý hiếm, đặc biệt là cá Anh vũ, cá Măng giã, Trai cóc vuông.
34	Sông Lô	Hà Giang	Bảo vệ bãi đẻ, nơi cư trú của nhiều loài cá quý hiếm như: Cá Lăng, cá Chiên.
35	Sông Gâm – hồ thủy điện Tuyên Quang	Tuyên Quang	Bảo vệ bãi đẻ, nơi cư trú của nhiều loài cá quý hiếm như: cá Lăng, cá Chiên, cá Anh Vũ, cá Dầm xanh.
36	Ngã ba sông Thương, Lục Nam – sông Đuống	Hải Dương	Bảo vệ đường di cư, sinh sản của nhiều loài cá quý hiếm có giá trị kinh tế.
37	Sông Mã	Sơn La	Bảo vệ bãi đẻ của nhiều loài cá quý hiếm như: cá Rầm xanh.
38	Sông Mã	Thanh Hóa	Bảo vệ đường di cư, bãi đẻ của nhiều loài cá: cá Chanh, cá Ngạnh, cá Bống, cá Hòa, cá Vền, cá Úc, cá Chanh.

39	Sông Cả	Nghệ An	Bảo vệ nơi cư trú, bãi đẻ của nhiều loài cá quý cá Trôi, cá Chép, cá Ngạnh, cá Bống, cá Hòa, c
40	Hồ Biển Lạc – núi Ông	Bình Thuận	Bảo vệ hệ sinh thái Đầm lầy tự nhiên ngập nước bán khô hạn.
41	Sông Se San –hồ Ialy	Gia Lai	Bảo vệ loài cá Sáu xiêm  Ngoài ra, khu bảo tồn còn có ý nghĩa về du lịch dịch
42	Biển Hồ	Gia Lai	Bảo vệ hệ sinh thái hồ tự nhiên nước ngọt trên gốc núi lửa.
43	Sông Ba – hồ Sông Hinh	Phú Yên	Bảo vệ nơi cư trú của loài cá Sáu xiêm, đường Bông, Chình mun
44	Các bàu nước trong VQG Cát Tiên	Đồng Nai	Bảo vệ hệ sinh thái đầm nước ngọt ngập nước cá Sáu xiêm.
45	Sông Bé – hồ Thác Mơ	Bình Phước	Bảo vệ nơi cư trú của nhiều loài thủy sinh vật kinh tế.



## DANH SÁCH

### CÁC LOÀI BẢO VỆ TRONG DANH MỤC HỆ THỐNG CÁC KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA ĐẾN NĂM 2020

STT	Tên loài	
	Tên Việt Nam	Tên Latinh
1	Cá Chình mun	<i>Anguilla bicolor</i>
2	Cá Chình hoa	<i>Anguilla marmorata</i>
3	Cá Úc	<i>Arius sinensis</i>
4	Cá Chiên	<i>Bagarius bagarius</i>
5	Cá Hồ	<i>Catlocarpio siamensis</i>
6	Cá Lóc bông	<i>Channa micropeltes</i>
7	Cá Trôi việt	<i>Cirrhina molitorulla</i>
8	Cá Trầm hương	<i>Cirrhinus sp.</i>
9	Cá Duồng bay	<i>Cirrlinus microlepis</i>
10	Cá Mòi cò	<i>Clupanodon thrissa</i>
11	Cá Hường vện	<i>Coius quadrifasciatus</i>
12	Cá Duồng xanh	<i>Cosmocheilus harmandi</i>
13	Cá Chép	<i>Cyprinus carpio</i>
14	Cá Lợ thân thấp	<i>Cyprinus multitaeniata</i>
15	Cá Lăng	<i>Hemibagrus guttatus</i>
16	Cá Măng già	<i>Luciocyprinus langsoni</i>
17	Cá Ngạnh	<i>Macrones sinensis</i>
18	Cá Vền	<i>Megalobrama terminalis</i>
19	Cá Ét mọi	<i>Morulius chrysophekadion</i>
20	Cá Trà sóc	<i>Probarbus jullieni</i>
21	Cá Chép góc	<i>Procypris merus</i>
22	Cá Mon	<i>Scleropages formosus</i>
23	Cá Anh vũ	<i>Semilabeo obscurus</i>
24	Cá Rầm xanh	<i>Sinilabeo lemassoni</i>

25	Cá Hòa	<i>Sinilabeo tonkinensis</i>
26	Cá Bống	<i>Spinibarbus denticulatus</i>
27	Cá Cháy bắc	<i>Tenualosa reevesii</i>
28	Cá Ngựa xám	<i>Tor tambroides</i>
29	Cá Mang rô	<i>Toxotes chatareus</i>
30	Cá Sấu hoa cà	<i>Crocodylus porosus</i>
31	Cá Sấu xiêm	<i>Crocodylus siamensis</i>
32	Trai Cánh mỏng	<i>Cristaria bialata</i>
33	Trai cóc dày	<i>Gibbosula crassa</i>
34	Trai cóc vuông	<i>Protunio messengeri</i>
35	Trai cóc tròn	<i>Lamprotula nodulosa</i>
36	Trai cóc hình tai	<i>Lamprotula leai</i>
37	Nghêu Bến Tre	<i>Meretrix lyrata</i>
38	Ngao dầu	<i>Meretrix meretrix</i>
39	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
40	Tôm càng	<i>Macrobrachium hainanensis</i>